

Số: 05/2007/NQ-HĐND

Bát Xát, ngày 28 tháng 12 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007
và Phương hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội,
kế hoạch đầu tư phát triển, dự toán ngân sách địa phương năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 77/2007/QĐ - UBND ngày 14/12/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2008;

Sau khi xem xét các báo cáo số 258/BC-UBND ngày 26/12/2007 của UBND huyện Bát Xát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007, nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2008, Báo cáo số 260/BC - UBND ngày 26/12/2007 của UBND huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2007, dự toán ngân sách địa phương năm 2008. Báo cáo số 261/BC - UBND ngày 26/12/2007 của UBND huyện về tình hình thực hiện đầu tư XDCB năm 2007, nhiệm vụ và kế hoạch đầu tư năm 2008;

Báo cáo thẩm tra số: 41/BC-BKT-XH ngày 26/12/2007 của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến các đại biểu HĐND tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân huyện khóa XVI - kỳ họp thứ 9,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007, nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển, dự toán ngân sách địa phương năm 2008 như sau

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2007: Nhất trí như báo cáo và tờ trình của UBND huyện trình tại kỳ họp.

II. Nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển, dự toán ngân sách năm 2008.

Nhất trí với phương hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển, dự toán ngân sách địa phương năm 2008 đã nêu trong báo cáo của UBND huyện trình tại kỳ họp, tập trung vào các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tăng trưởng kinh tế 14,5%, giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác 19 triệu đồng/năm,

tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 28.500 tấn (trong đó thóc 20.467 tấn, ngô 8.033 tấn).

Cơ cấu kinh tế của huyện:

- Nông - lâm nghiệp 65,4%; Công nghiệp địa phương - Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản 23,4%; Thương mại dịch vụ 11,2%.

2. Diện tích cây trồng chủ yếu:

- Diện tích lúa xuân 1.000 ha, diện tích lúa mùa 3.401,7 ha.
- Diện tích ngô cả năm 2.611 ha; Trong đó: Vụ đông xuân 1.733,5 ha, vụ hè thu 877,5 ha.
- Cây chè trồng mới 70 ha.
- Cây đậu tương 477 ha, trong đó đậu tương xuân trên đất ruộng 1 vụ vùng cao 120 ha.
- Trồng mới cỏ chăn nuôi đại gia súc 80 ha.
- Cây thuốc lá: 21 ha.
- Cây dứa: 15 ha.
- Thảo quả: 1.632 ha trong đó diện tích cho sản phẩm 1.246 ha.

3. Chăn nuôi: Đàn trâu 20.097 con. Đàn bò 3.104 con. Đàn ngựa: 3.579 con. Đàn lợn: 56.451 con. Diện tích ao hồ thả cá: 191,5 ha.

4. Lâm nghiệp: Trồng rừng tập trung 620 ha trong đó: Trồng mới rừng kinh tế: 430 ha, trồng rừng biên giới: 50 ha, trồng rừng phòng hộ cảnh quan: 140 ha, khoanh nuôi tái sinh: 200 ha. Độ che phủ rừng đạt 40,3%.

5. Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp 60 tỷ đồng.

6. Ngân sách:

6.1. Thu ngân sách Nhà nước:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 61.000 triệu đồng, trong đó thu cân đối 59.500 triệu đồng, thu quản lý qua ngân sách 1.500 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách huyện 90.997 triệu đồng, trong đó các khoản thu cân đối ngân sách địa phương 86.591 triệu đồng, thu chuyên nguồn 2.906 triệu đồng, thu hạch toán qua ngân sách huyện 1.500 triệu đồng.

6.2. Chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi ngân sách: 90.997 triệu đồng, trong đó:

- Chi cân đối 98.497 triệu đồng gồm:
 - + Chi đầu tư: 3.500 triệu đồng.
 - + Chi thường xuyên: 85.997 triệu đồng.
 - + Dự phòng: 1.460 triệu đồng.
- Chi quản lý qua ngân sách 1.500 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7. Chi đầu tư XDCB: Tổng vốn đầu tư: 40.558 triệu đồng cho 124 danh mục công trình, trong đó 45 công trình khởi công mới, 41 công trình chuyển tiếp, 38 công trình quyết toán.

8. Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo 5% bằng 679 hộ.

9. Giáo dục:

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi 6 - 14 tuổi đến trường đạt 96,7%.
- Duy trì bền vững phổ cập trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ 23 xã.

- Tuyển mới cán bộ văn hóa cơ sở: 245 người.
- Bồi dưỡng lý luận chính trị: 1.070 người.
- Bồi dưỡng cán bộ đoàn thể: 400 người.
- Quản lý nhà nước: 794 người.

10. Sự nghiệp y tế - dân số, gia đình & trẻ em:

- Giảm tỷ lệ trẻ em SDD dưới 5 tuổi: 2%.
- Xây dựng mới xã đạt chuẩn quốc gia 3 xã, nâng số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 9 xã.
- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ: 97,5%.
- Số người thực hiện KHHGĐ: 3.500 người.
- Giảm tỷ lệ sinh 1‰.

11. Văn hóa - xã hội:

- Số hộ đạt gia đình văn hóa: 8.700 hộ.
- Số thôn, bản được công nhận thôn, bản văn hóa: 83 thôn, bản trong đó duy trì cũ 64, xây dựng mới

19.

- Tiếp âm Đài tiếng nói Việt Nam: 16.500 giờ.
- Tiếp âm Đài tỉnh: 1.460 giờ.
- Phát thanh tin tại địa phương: 600 tin, bài.
- Chuyên mục tuyên truyền pháp luật: 40 giờ.
- Tiếp sóng Truyền hình Trung ương: 27.740 giờ.
- Phát thanh bằng tiếng Mông: 62 giờ.
- Phát thanh bằng tiếng Dao: 62 giờ.

12. Xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh đạt trên 85% số xã và thị trấn.

13. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định biên giới quốc gia, tuyển quân hoàn thành 100% kế hoạch.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho

1. UBND huyện Bát Xát chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các ban HĐND và đại biểu HĐND huyện chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Bát Xát khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 28/12/2007./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Bùi Hữu Lợi